

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 765/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 07/5/2026

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Thị Tuyết Mai

2. Bà Võ Thị Gái

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thùy Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 676/2025/HNST ngày 21 tháng 03 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1555/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2401/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Phúc Sang S, sinh năm 1997; CCCD số *** cấp ngày 13/5/2021.

Thường trú: Tổ X, khu phố X, thị trấn X, huyện X, tỉnh Kiên Giang (nay là xã X, tỉnh An Giang)

Địa chỉ cư trú : Nhà không số (X), X, phường X, thành phố X (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà S có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Cao Ngọc T, sinh năm 1988; CCCD số *** cấp ngày 29/3/2021.

Thường trú: Tổ X, thôn X, xã X, huyện X, tỉnh Bình Thuận (nay là xã X, tỉnh Lâm Đồng).

Địa chỉ cư trú: Số X X, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T vắng mặt tại phiên tòa không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn đề ngày 23/10/2025, bản tự khai ngày 12/12/2025, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Lê Phúc Sang S trình bày:

Bà Lê Phúc Sang S và ông Cao Ngọc T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Bình Thuận (nay là Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Lâm Đồng) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 29 tháng 5 năm 2023.

Trong quá trình chung sống vợ chồng, bà S và ông T phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, khác biệt về tính cách, suy nghĩ. Cả hai không thể hiểu và hòa thuận cùng nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nhận thấy đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà S yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Cao Ngọc T.

Về con chung: Bà Lê Phúc Sang S và ông Cao Ngọc T có 01 con chung là Cao Ngọc Kỳ D sinh ngày 07/5/2023.

Bà Lê Phúc Sang S yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là trẻ Cao Ngọc Kỳ D. Bà S không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung: Bà S hiện đang cư trú tại địa chỉ: Nhà không số X, X, phường X, thành phố X (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh và có đủ điều kiện về nơi ở và thời gian và tài chính để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con phát triển ổn định. Bà S đề nghị Tòa chấp nhận quyền được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà S khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Bị đơn là ông Cao Ngọc T đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án, được triệu tập họp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Cao Ngọc T không có mặt theo triệu tập của Tòa án để giải quyết vụ án ly hôn nên không ghi nhận được ý kiến trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho bà S được ly hôn với ông T và giao con chung cho bà S

trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung do bà S không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 29 tháng 5 năm 2023 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Bình Thuận (nay là Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Lâm Đồng) cấp thì hôn nhân giữa bà S và ông T là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà S có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T. Đây là tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo kết quả xác minh của Công an phường X, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Cao Ngọc T thực tế có cư ngụ tại địa chỉ Số X X, Khu phố X, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

- Quá trình tố tụng vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm là thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Quá trình giải quyết vụ án, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do; bà S có yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 ; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Xét theo qui định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Phạm vi giải quyết vụ án: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xem xét giải quyết trong phạm vi các yêu cầu của nguyên đơn về ly hôn, quyền nuôi và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Các nội dung khác đương sự không yêu cầu thì không được xem xét giải quyết trong cùng vụ án này. Các quan hệ pháp luật khác về tài sản chung, nợ chung có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

3.1 Về quan hệ hôn nhân:

- Theo bà S trình bày cuộc sống vợ chồng giữa bà S và ông T có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, có khác biệt nhau về tính cách, suy nghĩ. Cả hai vợ chồng không thể hòa hợp, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân phường X, Thành phố Hồ Chí Minh không rõ về mâu thuẫn gia đình của vợ chồng bà S, ông T.

- Bị đơn là ông Cao Ngọc T đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia các phiên hòa giải nhưng ông Cao Ngọc T không có mặt theo yêu cầu, triệu tập của Tòa án để giải quyết vụ án ly hôn, thể hiện ông Cao Ngọc T không mong muốn hòa giải đoàn tụ vợ chồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Đời sống vợ chồng của bà S, ông T không hạnh phúc, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xét chấp nhận yêu cầu của bà S được ly hôn ông Cao Ngọc T.

3.2 Về con chung: Bà Lê Phúc Sang S và ông Cao Ngọc T có 01 con chung là Cao Ngọc Kỳ D sinh ngày 07/5/2023.

Bà Lê Phúc Sang S yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là trẻ Cao Ngọc Kỳ D, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2023. Bà S chứng minh được điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung: Có đủ điều kiện về nơi ở ổn định, tài chính và thời gian để trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho cả hai con phát triển ổn định thể chất và tinh thần cho các trẻ.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Bà S không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

3.3 Về tài sản chung và nợ chung: Bà S khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T vắng mặt không có ý kiến hay yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong cùng vụ án này. Trường hợp đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên : Hội đồng xét xử ghi nhận và thống nhất với các ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu ly hôn của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên nguyên đơn là bà S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016), được căn trừ vào tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà S đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 ; khoản 2 Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87 và Điều 107, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - bà Lê Phúc Sang S:

- Bà Lê Phúc Sang S được ly hôn ông Cao Ngọc T.

Thời điểm chấm dứt hôn nhân giữa bà Lê Phúc Sang S và ông Cao Ngọc T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27, đăng ký ngày 29 tháng 5 năm 2023 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Bình Thuận (nay là Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Lâm Đồng) kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao 01 (một) con chung tên Cao Ngọc Kỳ D , sinh ngày 07 tháng 5 năm 2023 cho bà Lê Phúc Sang S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận bà Lê Phúc Sang S không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Ông Cao Ngọc T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà Lê Phúc Sang S không được cản trở ông T (không trực tiếp nuôi dưỡng) trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không được xét giải quyết trong cùng vụ án ly hôn này. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác;

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Phúc Sang S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà S đã nộp theo biên lai số 0036642 ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh. Bà S không phải nộp thêm án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Thi hành án tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND khu vực 2 – TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND nơi cấp GCN kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Vương

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

